TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 38/2018/HN – PT
Ngày: 01/8/2018
V/v *"Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Huỳnh Ngọc Dũng

Các thẩm phán: Ông Phạm Kim Của

Bà Hồ Thị Thanh Thúy

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Phan Thị Thủy Tiên – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre*:** Bà Đặng Thị Phương Kha – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 01 tháng 8 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 26/2018/TLPT- HN ngày 13 tháng 7 năm 2018 về "*Tranh chấp chia tài sản sau khi ly hôn"*.

Do Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ – ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 175/2018/QĐ – PT ngày 20 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông Bùi Minh H, sinh năm: 1998;

Địa chỉ: số 247, đường L, Phường 7, quận B, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp của ông H: Ông Nguyễn Ngọc T, sinh năm: 1990 là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 13/6/2017). (có mặt).

Địa chỉ: số 451/15, đường B, Phường 2, quận B, Thành phố H.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thùy L, sinh năm: 1975; (có mặt).

Địa chỉ: số 40/3/2, P, Phường 16, Quận 8, Thành phố H.

- *Người kháng cáo:* bị đơn chị Nguyễn Thị Thùy L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn ông Bùi Minh H, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị Thùy L đã được Tòa án nhân dân quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số 384/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2017. Trong quyết định ghi nhận về tài sản chung tự giải quyết, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Tuy nhiên, từ sau khi ly hôn đến nay, giữa ông H và bà L vẫn không thể tự thỏa thuận phân chia tài sản chung là phần đất có diện tích 2.036,9m^2 thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre. Về nguồn gốc, phần đất này là tài sản chung của ông H và bà L trong thời kỳ hôn nhân. Ông H và bà L đã tích góp tiền để nhận chuyển nhượng của người khác. Bà L đại diện ông H đứng ra giao dịch nhận chuyển nhượng bằng nguồn tiền của ông H và L trong thời kỳ hôn nhân do thời gian này ông H đang làm việc tại Thành phố H. Hiện tại phần đất nêu trên do ông H và bà L cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, do bà L quản lý thu huê lợi.

Do không tự phân chia được nên ông H yêu cầu Tòa án chia tài sản chung là phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 2.036,m^2 thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại xã H, huyện G. Cụ thể ông H sẽ nhận phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 928,4m^2 thuộc thửa 294a, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã H, huyện G.

Theo bản tự khai, biên bản hòa giải và trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L trình bày:

Nguồn gốc thửa đất 294, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại xã H, huyện G là của bà ngoại của bà cho dì ruột của bà. Sau đó, dì của bà chuyển nhượng lại cho mẹ của bà. Trong thời gian bà và ông H là vợ chồng thì mẹ bà đã tặng cho riêng bà phần đất này. Tuy trong giấy chứng nhận có tên ông H nhưng đây là tài sản riêng của bà nên bà không đồng ý chia theo yêu cầu của ông H. Mặc dù trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên bà và ông H nhưng tiền nhận chuyển nhượng là của bà Lê Thị S (mẹ ruột của bà L). Do thời điểm này còn là vợ chồng nên bà L cũng đồng ý để ông H cùng đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nhưng thực tế là tài sản riêng được mẹ cho nên bà L không đồng ý chia. Trong trường hợp Tòa án chấp nhận yêu cầu của ông H thì bà L cũng đồng ý giao giá trị phần đất mà ông H yêu cầu theo biên bản định giá của Hội đồng định giá tài sản huyện G.

Sau khi hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ – ST ngày 09 tháng 5 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm đã tuyên:

Căn cứ Điều 213 Bộ luật Dân sự; Điều 33, 34 và Điều 59 Luật Hôn nhân và gia đình, Điều 98 Luật đất đai; khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, Điều 147,

165 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Bùi Minh H về việc yêu cầu chia tài sản sau khi ly hôn với bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L đối với phần đất có diện tích 2.036,9m^2, (qua đo đạc thực tế có diện tích 2.036,7m^2), thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị Thùy L đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

- Ông Bùi Minh H được nhận phần đất có diện tích 928,4m^2, thuộc thửa 294a, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G và toàn bộ tài sản trên đất. Mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm. Đất có tứ cận và chiều dài các cạnh như sau:

+ Bắc giáp thửa 292 và thửa 18, cạnh 2-3 dài 52.98m, cạnh 3-4 dài 12.62m;

+ Nam giáp thửa 294b, cạnh 5-1 dài 64.88m;

+ Đông giáp thửa 23, cạnh 4-5 dài 15.75m;

+ Tây giáp thửa 10, cạnh 1-2 dài 13.15m.

- Bà Nguyễn Thị Thùy L được nhận phần đất có diện tích 1.108,4m^2, thuộc thửa 294b, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G và toàn bộ tài sản trên đất. Mục đích sử dụng đất: đất trồng cây lâu năm. Đất có tứ cận và chiều dài các cạnh như sau:

+ Bắc giáp thửa 294a, cạnh 2-3 dài 64.88m;

+ Nam giáp thửa 25, cạnh 4-1 dài 64.27m;

+ Đông giáp thửa 23, cạnh 3-4 dài 16.72m;

+ Tây giáp thửa 10, cạnh 1-2 dài 17.66m.

(Có phiếu xác nhận kết quả đo đạc hiện trạng thửa đất kèm theo).

Buộc bà L giao cho ông H phần đất và tài sản trên phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 928,4m^2, thuộc thửa 294a, tờ bản đồ số 8, tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G.

Bà L và ông H có quyền liên hệ với cơ quan Nhà nước có thẩm quyền để được điều chỉnh người đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo quy định của pháp luật, phù hợp với án tuyên.

Ngoài ra Bản án còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 22/5/2018 bị đơn là bà Nguyễn Thị Thùy L kháng cáo.

Theo đơn kháng cáo bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Tòa cấp phúc thẩm sửa Bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông H do thửa đất 294, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre là tài sản riêng của bà, do mẹ bà tặng cho riêng bà. Tại phiên tòa phúc thẩm bà yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà và ông H trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất được lưu trong hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì chữ ký này không phải của bà và bà không được Tòa cấp sơ thẩm công khai chứng cứ này trong quá trình giải quyết vụ án.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Bùi Minh H là ông Nguyễn Ngọc Thương trình bày: Đề nghị Tòa cấp phúc thẩm giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

Quan điểm của kiểm sát viên:

Về tố tụng: Người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật.

Về nội dung: Tòa cấp sơ thẩm có vi phạm thủ tục tố tụng trong vấn đề công khai chứng cứ nên đương sự không thể thực hiện được hết các quyền của mình mà tại phiên tòa phúc thẩm không thể thực hiện bổ sung được. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, tuyên hủy Bản án sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Qua nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng. Xét kháng cáo của bà Nguyễn Thị Thùy L và đề nghị của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Ông Bùi Minh H và bà Nguyễn Thị Thùy L thuận tình ly hôn và đã được Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H ra Quyết định công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của đương sự số 384/2017/QĐST-HNGĐ ngày 15/3/2017. Sau khi ly hôn, ông bà tranh chấp với nhau về chia tài sản chung đối với phần đất qua đo đạc thực tế có diện tích 2.036,7 m^2, thuộc thửa 294, tờ bản đồ số 8 tọa lạc tại ấp 6, xã H, huyện G, tỉnh Bến Tre do ông bà đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, hiện do bà L đang quản lý sử dụng và thu huê lợi. Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L yêu cầu Tòa án giám định chữ ký của bà và ông H trong Hợp đồng chuyển nhượng quyền sử

dụng đất được lưu trong hồ sơ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Vì chữ ký này không phải của bà và bà không được Tòa cấp sơ thẩm công khai chứng cứ này trong quá trình giải quyết vụ án. Xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 24 tháng 8 năm 2017, Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ. Theo biên bản, các chứng cứ được công khai gồm bản photo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất; giấy ủy quyền của anh Bùi Minh H cho anh Nguyễn Ngọc T ngày 20/3/2017; sao y bản chính Quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự số: 384/2017/QĐST – HNGĐ ngày 15/3/2017 của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố H; giấy xác nhận ngày 14/8/2017; đơn xin xác nhận của bà Lê Thị S đề ngày 14/8/2017; bản sao giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa 294, tờ bản đồ số 8.

Ngày 28/8/2017 bà L làm đơn yêu cầu Tòa án thu thập chứng cứ là quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất phần đất đang tranh chấp. Ngày 29/7/2017 Tòa án nhân dân huyện G ra Quyết định yêu cầu cung cấp chứng cứ số: 37/2017/QĐ-CCCC ngày 27/9/2017 yêu cầu Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G cung cấp toàn bộ quy trình cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này. Ngày 03/11/2017 Chi nhánh Văn phòng Đăng ký đất đai huyện G đã cung cấp chứng cứ theo yêu cầu của Tòa án.

Ngày 06/02/2018 Tòa án cấp sơ thẩm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ nhưng người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Văn A vắng mặt nên Tòa án lập biên bản về việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải được. Sau đó Tòa án cấp sơ thẩm đưa vụ án ra xét xử. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm chỉ triệu tập hợp lệ người đại diện theo ủy quyền của bị đơn là ông Lê Văn A một lần nhưng không tiến hành phiên họp khi có sự đồng ý của đương sự có mặt và thông báo kết quả phiên họp cho người vắng mặt hoặc hoãn phiên họp theo quy định tại khoản 3 Điều 209 và khoản 3 Điều 210 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nên còn rất nhiều chứng cứ trong hồ sơ vụ án mà đương sự chưa tiếp cận được. Mặt khác, theo quy định tại Khoản 5 Điều 97 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015: "*Trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày Tòa án thu thập được tài liệu, chứng cứ, Tòa án phải thông báo về tài liệu, chứng cứ đó cho đương sự để họ thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình."* nhưng Tòa cấp sơ thẩm không thực hiện thủ tục này để đương sự thực hiện quyền của mình.

Vi phạm trên cấp phúc thẩm không thể khắc phục được nên hủy Bản án sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện G. Giao hồ sơ về Tòa án nhân dân huyện G giải quyết lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Quan điểm của Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát đề nghị hủy Bản án sơ thẩm là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[3] Do Bản án sơ thẩm bị hủy nên bà Nguyễn Thị Thùy L không phải chịu án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 308 và Điều 310 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy Bản án sơ thẩm số 43/2018/HNGĐ-ST ngày 09/5/2018 của Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm xét xử vụ án "Tranh chấp về chia tài sản sau khi ly hôn" giữa nguyên đơn ông Bùi Minh H và bị đơn bà Nguyễn Thị Thùy L; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm để xét xử sơ thẩm lại vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị Thùy L không phải chịu. Hoàn lại cho bà L số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0016884 ngày 29/5/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm .

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Ngọc Dũng